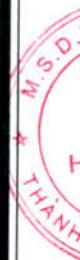


**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**  
**Quý III/2020**

*Hải Phòng, ngày 27 tháng 10 năm 2020*



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>158,728,248,312</b>	<b>116,614,062,706</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6,821,564,262</b>	<b>4,358,770,697</b>
1. Tiền	111		6,821,564,262	4,358,770,697
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3,185,000,000</b>	<b>1,100,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3,185,000,000	1,100,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>126,053,680,636</b>	<b>85,180,221,602</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.3</b>	62,069,574,343	41,080,097,472
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.4</b>	31,304,854,500	14,365,658,755
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.5a</b>		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.6a</b>	32,679,251,793	29,734,465,375
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22,476,227,891</b>	<b>25,897,210,420</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.7</b>	22,476,227,891	25,897,210,420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>191,775,523</b>	<b>77,859,987</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.8a</b>	191,775,523	77,859,987
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>176,004,258,604</b>	<b>166,354,085,002</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>33,968,709,295</b>	<b>33,968,709,295</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		12,000,000,000	12,000,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.6b</b>	21,968,709,295	21,968,709,295
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62,479,264,938</b>	<b>68,833,337,605</b>

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.9</b>	30,221,447,840	33,402,631,661
- Nguyên giá	222		53,563,531,787	53,563,531,787
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23,342,083,947)	(20,160,900,126)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>V.10</b>	32,257,817,098	35,430,705,944
- Nguyên giá	225		38,711,302,633	38,711,302,633
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(6,453,485,535)	(3,280,596,689)
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>135,319,091</b>	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		135,319,091	
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>78,600,000,000</b>	<b>62,600,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		48,000,000,000	48,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30,300,000,000	14,300,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		300,000,000	300,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>820,965,280</b>	<b>952,038,102</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.8b</b>	820,965,280	952,038,102
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>334,732,506,916</b>	<b>282,968,147,708</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>139,648,635,708</b>	<b>89,386,389,456</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>131,710,533,622</b>	<b>77,132,826,202</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	<b>V.11</b>	24,092,314,271	16,682,606,280
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	<b>V.12</b>	1,764,355,385	80,182,879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<b>V.13</b>	6,021,195,254	3,966,429,497
4. Phải trả người lao động	314		551,870,103	422,358,250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			85,215,662
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	<b>V.14</b>	11,722,050,826	314,914,705
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>V.15a</b>	85,099,214,643	54,214,165,791
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,459,533,140	1,366,953,138

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7,938,102,086</b>	<b>12,253,563,254</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	<b>V.16</b>	553,540,621	725,329,093
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	<b>V.15b</b>	7,384,561,465	11,528,234,161
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>195,083,871,208</b>	<b>193,581,758,252</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>195,083,871,208</b>	<b>193,581,758,252</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180,000,000,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180,000,000,000	180,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,898,318,140	1,443,688,139
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12,185,553,068	12,138,070,113
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		888,810,110	1,284,932,656
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11,296,742,958	10,853,137,457
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>334,732,506,916</b>	<b>282,968,147,708</b>

Lập, Ngày 27 tháng 10 năm 2020

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Trần Thị Thu Lan**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Trịnh Thị Hương**

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Trần Thị Thu Phương**

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/9/2020

Đơn vị tính: VNL

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72,609,677,654	58,046,810,155	180,050,008,588	152,246,937,433
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13,351,250	43,073,000	13,351,250	74,107,600
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		72,596,326,404	58,003,737,155	180,036,657,338	152,172,829,833
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64,848,002,459	52,308,961,853	159,273,341,265	135,561,500,831
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7,748,323,945	5,694,775,302	20,763,316,073	16,611,329,002
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	562,052,164	563,274,713	5,037,227,890	5,528,223,879
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,830,438,155	1,600,924,477	5,029,279,021	4,519,799,995
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	520,782,282	508,855,247	1,265,938,063	1,466,607,539
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	740,804,805	649,650,126	1,835,526,886	1,808,004,279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		5,218,350,867	3,498,620,165	17,669,799,993	14,345,141,068
11. Thu nhập khác	31	VI.7	27,726,520	74,984,245	192,585,910	78,166,063
12. Chi phí khác	32	VI.8	121,881,275	23,302,584	305,165,764	233,362,673
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(94,154,755)	51,681,661	(112,579,854)	(155,196,610)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5,124,196,112	3,550,301,826	17,557,220,139	14,189,944,458
14.1 Lợi nhuận được chia của công ty con					3,360,000,000	4,320,000,000
14.2 Lợi nhuận kế toán trước thuế của công ty mẹ					14,197,220,139	9,869,944,458
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1,049,215,478	710,060,364	2,900,477,181	1,984,241,490
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4,074,980,634	2,840,241,462	14,656,742,958	12,205,702,968
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: (\*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Ngày 27 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Trần Thị Thu Lan

- Số chứng chỉ hành nghề:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trịnh Thị Hương

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Thị Thu Phương

**Mẫu số: B03-DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/9/2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		198,427,469,806	142,872,136,380
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(174,764,992,629)	(122,065,954,719)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5,025,604,134)	(4,743,530,240)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(4,746,364,162)	(4,264,814,643)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2,275,085,761)	(1,624,881,401)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		(5,994,387,215)	19,070,970,943
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15,341,876,785)	(45,883,734,308)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(9,720,840,880)</b>	<b>(16,639,807,988)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(302,250,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			19,119,081,811
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,585,000,000)	(39,200,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500,000,000	9,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(16,000,000,000)	(24,300,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,379,999,753	5,608,761,279
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16,705,000,247)</b>	<b>(29,574,406,910)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			65,000,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		140,796,605,287	84,645,675,752
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(109,842,044,429)	(96,636,148,420)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4,213,184,702)	(2,807,400,301)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>26,741,376,156</b>	<b>50,202,127,031</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>315,535,029</b>	<b>3,987,912,133</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4,358,770,697</b>	<b>401,851,756</b>
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	4,674,305,726	4,389,763,889

Lập, Ngày 27 tháng 10 năm 2020

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Trần Thị Thu Lan**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Trịnh Thị Hương**

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Trần Thị Thu Phương**

- Số chứng chỉ hành nghề:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:



# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì  
Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bì giấy nhãn và giấy bì;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Sản xuất giấy viết, giấy in, giấy tráng phân;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  
Chi tiết: Giấy, bì carton, giấy tráng phân;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu  
Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại, nguyên liệu làm giấy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: Máy móc, thiết bị ngành giấy. Thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Pho to, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác  
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu./.

4. **Số người lao động đến 30 tháng 09 năm 2020: 69 người**

5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

6. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Công ty con:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	KCN Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	80%	80%

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2019 và số liệu trên BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

#### **ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-06

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 06
Máy móc thiết bị	02 - 15

#### **7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

BCC được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

#### **8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “ Chi phí đi vay”.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

### 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### *Các quỹ khác*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

#### *a) Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

#### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

### ***c) Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

### **15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 19. Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

##### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	566.125.922	525.226.351
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.255.438.340	3.833.544.346
<i>Ngân hàng TMCP Bắc Á</i>	-	501.775
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	827.248.019	3.515.421.837
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</i>	4.324.828	3.759.558
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</i>	1.739.093.088	87.136.494
<i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam</i>	3.684.772.405	226.724.682
<b>Cộng</b>	<b>6.821.564.262</b>	<b>4.358.770.697</b>

##### 2. Đầu tư tài chính

###### a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn(*)	3.185.000.000	-	1.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.185.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng, bao gồm:

+ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 6,5%/ năm kỳ hạn 12 tháng, kể từ ngày 29/5/2019.

+ Số tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công mang tên bà Trần Thị Thu Phương, số tiền: 2.585.000.000 đồng, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,25%/năm. Số tiết kiệm trên đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công.

###### b. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần giấy Hoàng Hà Hà Nam (a)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>30.300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>14.300.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco( b)	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà (c)	30.000.000.000	-	14.000.000.000	-
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>300.000.000</b>	<b>-</b>	<b>300.000.000</b>	<b>-</b>
Trái phiếu (d)	300.000.000	-	300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>78.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>62.600.000.000</b>	<b>-</b>

(a) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0700219848 lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 09 tháng 09 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam là 48.000.000.000 VND, chiếm 80% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31/12/2019 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(b) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108771752 lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 06 năm 2019, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng cam kết đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Doanh nhân Verco là 300.000.000 VND, tương đương 1,2% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

(c) Theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0108828180 cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà là 14.000.000.000 VND, tương đương 14% vốn điều lệ. Đến ngày 28/9/2020 HĐQT CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng đã thông qua Nghị quyết về việc mua thêm 1,6 triệu cổ phần, tăng số vốn góp vào Công ty tại CTCP Tập đoàn Đầu tư Hoàng Hà lên 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 30/9/2020 Công ty đã góp đủ số vốn theo cam kết. Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Hoàng Hà hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

(d) Tiền đầu tư trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ngô Quyền số tiền: 300.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày 10/07/2019.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>8.027.149.192</b>	<b>8.024.036.145</b>
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	6.395.151.062	5.244.603.845
Công ty Cổ phần Giấy Từ Châu	1.631.998.130	2.779.432.300
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>54.042.425.151</b>	<b>33.056.061.327</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Tâm	12.603.539.850	5.622.504.520
Công ty TNHH Đầu Tư Palm	4.170.657.670	-
Công ty Cổ phần giấy Hải Phòng	4.613.641.290	-
Công ty TNHH Bao bì Quốc Tế B & B	4.414.671.600	3.461.731.800
Công ty TNHH Ngọc Minh Khuê	1.832.347.315	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hải Phúc	2.509.878.680	3.509.878.608
Công ty TNHH Thương mại Quân Phong	-	4.352.924.321
Công ty Cổ phần Tổng Công ty DuLico	8.397.818.800	3.271.256.705
Các khách hàng khác	15.499.869.946	12.837.765.373
<b>Cộng</b>	<b>62.069.574.343</b>	<b>41.080.097.472</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà Trường Linh	16.578.416.000	12.578.416.000
Công ty TNHH Đầu Tư Palm	13.007.318.500	-
Công ty TNHH Bắc Hà	1.278.200.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty DuLico	-	1.700.132.955
Các nhà cung cấp khác	440.920.000	87.109.800
<b>Cộng</b>	<b>31.304.854.500</b>	<b>14.365.658.755</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Phải thu ngắn hạn dài hạn khác

##### a) Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>15.583.864.051</b>	<b>-</b>	<b>15.287.889.227</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	583.864.051	-	287.889.227	-
Phải thu tiền đặt cọc- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy (1)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc- Ông Nguyễn Trần Nhật Đức (2)	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>17.095.387.742</b>	<b>-</b>	<b>14.446.576.148</b>	<b>-</b>
Tạm ứng (3)	6.951.004.481	-	8.128.550.018	-
Phải thu tiền đặt cọc- Bà Vũ Thị Hằng (4)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác của Chailease ( Tiền thuế GTGT tài sản thuê tài chính)	387.428.716	-	318.026.130	-
Lợi nhuận từ Công ty con	3.360.000.000	-	-	-
Đặt cọc trả chậm của Chailease	124.735.368	-	-	-
Lãi cho vay phải thu từ công ty con	272.219.177	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.679.251.793</b>	<b>-</b>	<b>29.734.465.375</b>	<b>-</b>

(1) Là khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội để tiếp tục thế chấp tại ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Ngô Quyền theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

(2) Là khoản đặt cọc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội mang tên bà Trần Thị Thu Phương và Ông Nguyễn Trần Nhật Đức. Khoản đặt cọc để mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, sổ vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức để thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

(3) Phần lớn là các khoản tạm ứng cho các trạm thu mua giấy phế liệu, phát sinh tạm ứng bổ sung và hoàn ứng bằng nguyên vật liệu liên tục trong năm.

(4) Là khoản đặt cọc mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 279278, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 145.BĐ.2008 288. QĐUB.2008 do Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Địa chỉ số 29 tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội của Ông Trần Quốc Khánh và Bà Vũ Thị Hằng để tiếp tục thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương- Chi nhánh Thành Công theo văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc mượn sổ đỏ thế chấp ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### b) Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>21.968.709.295</b>	-	<b>21.968.709.295</b>	-
Hợp tác kinh doanh - Công ty TNHH Tư vấn Sản xuất Giấy Hoàng Hà (*)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.968.709.295	-	1.968.709.295	-
<b>Cộng</b>	<b>21.968.709.295</b>	-	<b>21.968.709.295</b>	-

(\*) Là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2109/2017/HĐHTKD ngày 21/9/2017. Theo đó hai bên hợp tác thực hiện dự án “Mở rộng và chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất 3.523,3 m<sup>2</sup> tại địa chỉ phố An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng”, là đất do Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đứng tên chủ sở hữu. Cụ thể Công ty cổ phần giấy Hoàng Hà Hải Phòng sẽ góp vốn để Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tổ chức triển khai việc mở rộng diện tích thêm phần còn lại của cả Khu đất với diện tích 3.278,6m<sup>2</sup> và chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở, sau đó phân lô, bán nền và thu hồi vốn đầu tư. Tổng giá trị hợp tác đầu tư là 20.000.000.000 VNĐ tương ứng 45% tổng chi phí của dự án. Khi dự án có doanh thu, Công ty sẽ thu hồi vốn đầu tư tương đương 40% doanh thu thu được hàng tháng và 45% tổng lợi nhuận sau thuế sau khi kết thúc dự án.

Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với 02 công trình trên đất là Nhà kho (DTXD 877,5m<sup>2</sup>) và Nhà văn phòng, làm việc (DTXD 111,8m<sup>2</sup>; DTSD 226,8m<sup>2</sup>) trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE792947 ngày 7/2/2018. Văn bản số 470/SXD\_QHKT ngày 6/2/2018 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng đã xác nhận khu đất trên được quy hoạch là đất ở. Ngày 22/6/2018 UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3095/VP-ĐC2 gửi Sở Xây dựng và UBND quận Hồng Bàng để kiểm tra cụ thể về nguồn gốc đất đai; Ngày 05/7/2018 UBND quận Hồng Bàng có Văn bản 875/UBND-TN&MT; Ngày 17/7/2018 UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4395/UBND-ĐC2 giao Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo. Ngày 25/7/2018 Sở Xây dựng đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan thống nhất đề nghị UBND thành phố cho phép đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại, đồng thời có văn bản số 2739/SXD-QHKT ngày 03/8/2018 gửi UBND thành phố Hải Phòng về việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án phát triển nhà ở tại phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng. Ngày 28/9/2018, UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 4561/VP-QH gửi Sở Xây dựng về việc kiểm tra sự phù hợp của dự án. Ngày 18/7/2019, UBND thành phố Hải Phòng có Văn bản số 4296/UBND-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu kiểm tra, đề xuất, báo cáo UBND thành phố. Ngày 06/8/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 3255/SXD-QHKT gửi UBND thành phố Hải Phòng báo cáo về việc đã đưa dự án phát triển nhà ở tại đường An Chân, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng của Công ty vào kế hoạch để trình duyệt kỳ này. Ngày 16/10/2019, Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3610/VP-XD gửi Sở Xây dựng yêu cầu giải trình, làm rõ một số nội dung để trình lãnh đạo UBND thành phố xem xét, quyết định. Ngày 04/11/2019, Sở Xây dựng đã có Văn bản số 4831/SXD-QHKT gửi Văn phòng UBND thành phố Hải Phòng và ngày 25/11/2019 vừa qua Ban cán sự đảng UBND thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 756/CV-BCS gửi thường trực Thành ủy xin chấp thuận về mặt chủ trương. Đến nay, dự án vẫn đang được Công ty TNHH Tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà tích cực phối hợp với các Ban ngành có liên quan triển khai theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.681.141.051	-	19.976.791.423	-
Công cụ, dụng cụ	130.058.888	-	397.702.474	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.486.009.481	-	1.625.459.195	-
Thành phẩm	2.179.018.471	-	3.897.257.328	-
<b>Cộng</b>	<b>22.476.227.891</b>	<b>-</b>	<b>25.897.210.420</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	-	77.859.987
Chi phí bảo hiểm	64.123.334	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	127.652.189	-
<b>Cộng</b>	<b>191.775.523</b>	<b>77.859.987</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	249.632.100	387.438.293
Công cụ dụng cụ	91.592.389	44.037.272
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá bán TSCĐ thuê tài chính	208.030.748	301.644.590
Chi phí sửa chữa	75.022.355	70.303.033
Các chi phí trả trước dài hạn khác	196.687.688	148.614.914
<b>Cộng</b>	<b>820.965.280</b>	<b>952.038.102</b>

**8. Phải thu về cho vay dài hạn**

Là khoản cho Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Nam (Công ty con) vay với lãi suất 9%/năm theo Hợp đồng cho vay số 3005/2018/HD/HP-HNA ngày 30/05/2018. Thời hạn vay 36 tháng. Tổng số tiền cho vay là 12.000.000.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đồng Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	18.068.470.367	31.899.755.945	3.595.305.475	53.563.531.787
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.068.470.367</b>	<b>31.899.755.945</b>	<b>3.595.305.475</b>	<b>53.563.531.787</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	412.397.000	618.769.105	1.031.166.105
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	6.100.843.495	12.196.660.000	1.863.396.631	20.160.900.126
Khấu hao trong kỳ	716.944.725	2.118.888.306	345.350.790	3.181.183.821
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.817.788,220</b>	<b>14,315,548,306</b>	<b>2,208,747,421</b>	<b>23,342,083,947</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	11.967.626.872	19.703.095.945	1.731.908.844	33.402.631.661
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.250.682.147</b>	<b>17.584.207.639</b>	<b>1.386.558.054</b>	<b>30.221.447.840</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 31.300.118.732 VND và 18.994.033.939 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thành Đô.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	38.711.302.633	38.711.302.633
Số cuối kỳ	<b>38.711.302.633</b>	<b>38.711.302.633</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	3.280.596.689	3.280.596.689
Khấu hao trong kỳ	3.172.888.846	3.172.888.846
Số cuối kỳ	<b>6.453.485.535</b>	<b>6.453.485.535</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	35.430.705.944	35.430.705.944
Số cuối kỳ	<b>32.257.817.098</b>	<b>32.257.817.098</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>196.917.600</b>	<b>196.917.600</b>	<b>1.897.723.190</b>	<b>1.897.723.190</b>
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Hà Hà Nam	-	-	1.897.723.190	1.897.723.190
Công ty CP Bao Bì Phương Bắc	196.917.600	196.917.600	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>23.895.396.671</b>	<b>23.895.396.671</b>	<b>14.784.883.090</b>	<b>14.784.883.090</b>
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	4.655.712.017	4.655.712.017	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Quân Phong	3.084.996.668	3.084.996.668	-	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Thành Thắng	1.651.616.000	1.651.616.000	1.374.489.600	1.374.489.600
Hanwa Singapore (PTE) LTC	1.318.997.778	1.318.997.778	2.217.382.672	2.217.382.672
Longchen paper Japan Co. Ltd.	1.734.659.070	1.734.659.070	-	-
Sampo Corporation	1.594.387.590	1.594.387.590	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư An Minh	5.018.629.176	5.018.629.176	1.673.024.320	1.673.024.320
MARUBENI CORPORATION	-	-	2.457.009.828	2.457.009.828
Các nhà cung cấp khác	4.836.398.372	4.836.398.372	7.062.976.670	7.062.976.670
<b>Cộng</b>	<b>24.092.314.271</b>	<b>24.092.314.271</b>	<b>16.682.606.280</b>	<b>16.682.606.280</b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>1.764.355.385</b>	<b>80.182.879</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Giao Nhận Topasia	59.336.979	59.336.979
Jinhong industrial (Hongkong) Co., Ltd.	1.684.172.506	0

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

WELL FRESH CO., LTD			20.845.900	20.845.900
<b>Cộng</b>			<b>1.764.355.385</b>	<b>80.182.879</b>
<b>13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.023.556.041	4.968.126.393	(3.524.352.056)	3.467.330.378
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.413.714.936	(2.413.714.936)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.928.473.456	2.900.477.181	(2.275.085.761)	2.553.864.876
Thuế thu nhập cá nhân	14.400.000	7.011.876	(21.411.876)	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	3.344.814	(3.344.814)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	186.391.079	(186.391.079)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.966.429.497</b>	<b>10,483,066,279</b>	<b>(8,428,300,522)</b>	<b>6,021,195,254</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Chi tiết tại thuyết minh VI.9

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	-	85.215.662
Chi phí lãi vay phải trả	-	85.215.662
<b>Cộng</b>	-	<b>85.215.662</b>

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	273.600.000
Thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	273.600.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>11.722.050.826</b>	<b>41.314.705</b>
Kinh phí công đoàn	22.050.826	41.314.705
Phải trả cổ tức cho cổ đông năm 2019	11.700.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>11.722.050.826</b>	<b>314.914.705</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 16. Vay và nợ thuê tài chính

##### a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>85.099.214.643</b>	<b>85.099.214.643</b>	<b>54.214.165.791</b>	<b>54.214.165.791</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	79.574.317.719	79.574.317.719	48.619.756.861	48.619.756.861
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền (a)	16.032.970.554	16.032.970.554	28.610.653.476	28.610.653.476
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (b)	2.480.178.675	2.480.178.675	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (c)	23.114.735.105	23.114.735.105	15.909.004.021	15.909.004.021
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam(d)	37.946.433.385	37.946.433.385	4.100.099.364	4.100.099.364
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	5.524.896.924	5.524.896.924	5.594.408.930	5.594.408.930
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease- Chi nhánh Hà Nội	5.524.896.924	5.524.896.924	5.594.408.930	5.594.408.930
<b>Cộng</b>	<b>85.099.214.643</b>	<b>85.099.214.643</b>	<b>54.214.165.791</b>	<b>54.214.165.791</b>

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền theo hợp đồng cho vay hạn mức Số: 01/2020-HĐCVHM/NHCT168- HOANGHA ngày 17 tháng 07 năm 2020. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT168- HOANGHA ngày 31 tháng 03 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng đính kèm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức với tổng mức dư nợ vay VND theo Hợp Đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 20.000.000.000 VNĐ. Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức là kể từ ngày 17/07/2020 đến hết ngày 16/07/2021. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi nhận trên giấy nhận nợ không vượt quá 6 tháng. Lãi suất vay là lãi suất linh hoạt được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bởi các hợp đồng đảm bảo sau:

(1) Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015-TCBĐS-HHHP ngày 02/11/2015. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 45 tổ Thủ Lệ, P.Ngọc Khánh, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA188371 cấp ngày 21/09/2015 mang tên bà Trần Thị Thu Phương.

(2) Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/HĐTC ngày 15/01/2013. Tài sản thế chấp là toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Thu Thủy tại địa chỉ lô 3+1/2 lô 4, TT nhà hát kịch phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Theo văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/SĐ-03/HĐTC/2013 ngày 18/12/2013.

(3) Hợp đồng thế chấp tài sản số 05/HĐTC ngày 07/01/2013. Tài sản thế chấp là xe ô tô con hiệu Kia Forte biển số 30S-5906; đăng ký xe ô tô số 105799 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 21/07/2009 cho bà Trần Thị Thu Phương.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

(4) Hợp đồng thế chấp hàng hóa bổ sung số 01/2014-HĐTCHH ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa được hình thành từ vốn vay đang được đi đường hoặc được giữ tại kho hàng của đơn vị tại số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng hoặc tại bất kỳ kho hàng nào khác (tại hiện tại hoặc tương lai) được sử dụng để chứa hàng hóa được phản ánh trong sổ sách kế toán hoặc chùng từ kho hàng.

+ Các quyền lợi ích của đơn vị phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản đã nêu trên.

+ Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà đơn vị có thể nhận được sau thời điểm Hợp đồng này có hiệu lực để mua bán, trao đổi, cho thuê, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập nêu trên.

(5) Hợp đồng thế chấp tài sản bổ sung số 01/2014-HĐTCQTS ngày 02/12/2014. Tài sản thế chấp là các quyền tài sản của đơn vị từ toàn bộ các khoản phải thu được hình thành từ vốn vay tại mọi thời điểm phát sinh dưới hình thức các Hợp đồng kinh tế và các hình thức ký kết văn bản khác.

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 113/2019/HĐTD/CNM/03 ngày 02 tháng 01 năm 2020. Hạn mức tín dụng 2.500.000.000 VNĐ. Mục đích vay để bổ sung cố lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, phát hành LC các loại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giấy các loại. Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng 12 tháng từ ngày 02/01/2020 đến ngày 02/01/2021, lãi suất cho vay quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ.

(c) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/19/HM/14185005 ký ngày 20/06/2019 và số 02/19/HM/14185005 ký ngày 19/12/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công. Tổng mức dư nợ vay tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá Hạn mức Cho vay là 25.000.000.000 đồng. Thời hạn Duy trì Hạn mức Cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo từng thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Thời hạn Cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Sổ tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công số tiền: 2.585.000.000 đồng. Theo hợp đồng cầm cố sổ tiết kiệm số 01/2020HHP ngày 10 tháng 06 năm 2020.

(2) Nhà kho và văn phòng làm việc hình thành trên đất của Công ty TNHH tư vấn sản xuất giấy Hoàng Hà, Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101149782 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29/12/2017 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 792947 do Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/11/2016.

(3) Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 279278, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 145.BĐ.2008 288. QĐUB.2008 do Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Địa chỉ số 29 tổ 65 Trung tâm thí nghiệm điện, phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội. Chủ sở hữu là ông Trần Quốc Khánh và vợ là bà Vũ Thị Hằng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở ngày 13/12/2019.

(4) Thế chấp hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại theo hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐTC-TSBĐS ngày 20/06/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo ký giữa khách hàng và ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 01/2020/7607651 ký ngày 05 tháng 05 năm 2020. Hạn mức tối đa là 50.000.000.000 VND và ngoại tệ quy đổi bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7607651/HĐTD ngày 28/05/2019. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/4/2021, lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay bao gồm:

(1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 467332, số vào sổ cấp GCN: CH-01264 do UBND Quận Hà Đông cấp ngày 17/10/2014 cho chủ sở hữu là Bà Trần Thị Thu Phương và con là Ông Nguyễn Trần Nhật Đức.

(2) Tài sản thế chấp là xe ô tô biển kiểm soát 30F-23947 nhãn hiệu Mazda loại xe ô tô du lịch 05 chỗ ngồi năm sản xuất 2018.

(3) Tài sản đảm bảo khoản vay là Hệ thống lò hơi tầng sôi, công suất sinh hơi 9 tấn/giờ, trị giá tài sản thế chấp 4.270.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/7607652/HĐBĐ.

(4) Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/VKT/HĐTC/2012 ngày 24/12/2012. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc trên 8.890 m<sup>2</sup> đất thuê tại phường Đông Hải, Hải An, Hải Phòng. Văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/SĐ-02/DCMMTB/HĐTC/2012 ngày 18/02/2014.

(5) Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo bổ sung. Đồng thời không được dùng tài sản hình thành từ vốn vay này để thế chấp, cầm cố tại các TCTD khác.

**Chi tiết phát sinh về các khoản vay trong kỳ như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	48.619.756.861	140.796.605.287	-	(109.842.044.429)	79.574.317.719
Vay ngắn hạn các cá nhân là bên liên quan	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.594.408.930	-	4.143.672.696	(4.213.184.702)	5.524.896.924
<b>Cộng</b>	<b>54.214.165.791</b>	<b>141,796,605,287</b>	<b>4.143.672.696</b>	<b>(115,055,229,131)</b>	<b>85.099.214.643</b>

#### b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>7.384.561.465</b>	<b>7.384.561.465</b>	<b>11.528.234.161</b>	<b>11.528.234.161</b>
- Công ty cho thuê Tài chính Chailease	7.384.561.465	7.384.561.465	11.528.234.161	11.528.234.161
<b>Cộng</b>	<b>7.384.561.465</b>	<b>7.384.561.465</b>	<b>11.528.234.161</b>	<b>11.528.234.161</b>

Là khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội cho các tài sản sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(1) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 7.291.715.840 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 22/02/2019. Thời hạn thuê: 42 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi (bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%). Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

(2) Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất giấy có giá trị 35.290.717.056 (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Ngày bắt đầu thuê là 04/04/2019. Thời hạn thuê: 47 tháng. Lãi suất thuê được xác định theo lãi suất thả nổi (bằng lãi suất tiêu chuẩn của VND của CILC + biên độ 1.68%). Việc điều chỉnh lãi hàng tháng (nếu có) sẽ được thể hiện trên giấy báo thanh toán do bên cho thuê gửi cho bên thuê.

**Chi tiết phát sinh vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nợ thuê tài chính	11.528.234.161	(4.143.672.696)	7.384.561.465
<b>Cộng</b>	<b>11.528.234.161</b>	<b>(4.143.672.696)</b>	<b>7.384.561.465</b>

### 17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	678.344.069	727.315.001	(65.000.000)	1.340.659.070
Quỹ phúc lợi	688.609.069	727.315.001	(297.050.000)	1.118.874.070
<b>Cộng</b>	<b>1.366.953.138</b>	<b>1.454.630.002</b>	<b>(362.050.000)</b>	<b>2.459.533.140</b>

### 18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại tài chính trị giá 897.117.565 VND được phân bổ trong 47 tháng kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2019.

### 19. Vốn chủ sở hữu

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	180.000.000.000	1.443.688.139	1.284.932.656	182.728.620.795
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	11.141.137.457	11.141.137.457
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>1.443.688.139</b>	<b>12.138.070.113</b>	<b>193.581.758.252</b>
Số dư đầu năm nay	180.000.000.000	1.443.688.139	12.138.070.113	193.581.758.252
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	14.656.742.958	14.656.742.958
Trích lập các quỹ	-	1.454.630.001	(2.909.260.003)	(1.454.630.002)
Trả cổ tức cho cổ đông	-	-	(11.700.000.000)	(11.700.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>2.898.318.140</b>	<b>12.185.553.068</b>	<b>195.083.871.208</b>

Nghị quyết đại cổ đông cổ đông số 01/2020/HHHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2020 quyết định phân phối lợi nhuận hợp nhất năm 2019 như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Trích lập quỹ khen thưởng : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Trích lập quỹ phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2019

Chia cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, tỷ lệ: 6,5%. Tuy nhiên Hội đồng quản trị chưa chốt phương án nên Công ty chưa ghi nhận khoản này vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.000.000</i>	<i>18.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.000.000</i>	<i>18.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ****A, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	35.361,65	3.574,94

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>180.050.008.588</b>	<b>152.246.937.433</b>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>77.917.741.980</i>	<i>43.395.675.687</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>100.630.196.195</i>	<i>107.376.520.400</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>1.502.070.413</i>	<i>1.474.741.346</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu:</b>	<b>13.351.250</b>	<b>31.034.600</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>13.351.250</i>	<i>31.034.600</i>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>180.036.657.338</b>	<b>152.172.829.833</b>

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bao Bì Phương Bắc	9.796.572.700	5.109.954.100
Công ty Cổ phần giấy Từ Châu	5.015.883.800	3.250.515.000

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	68.967.659.811	37.319.896.043
Giá vốn của thành phẩm đã bán	89.378.038.864	97.419.185.501
Giá vốn khác	927.642.590	822.419.287
<b>Cộng</b>	<b>159.273.341.265</b>	<b>135.561.500.831</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	96.591.133	2.339.215
Lãi đặt cọc	735.671.232	293.739.727
Lãi tiền cho vay	810.739.725	896.441.092
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.360.000.000	4.320.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	34,225,800	15.703.845
<b>Cộng</b>	<b>5.037.227.890</b>	<b>5.528.223.879</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.711.637.264	4.361.496.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	317.641.757	158.303.219
<b>Cộng</b>	<b>5.029.279.021</b>	<b>4.519.799.995</b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	659.616.367	701.216.023
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.166.293	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.654.548	148.654.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	444.345.6784	505.297.507
Các chi phí khác	10.155.177	111.439.461
<b>Cộng</b>	<b>1.265.938.063</b>	<b>1.466.607.539</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	809.736.723	758.747.344
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.417.701	15.825.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	204.180.507	204.180.507
Thuế, phí và lệ phí	451.059.908	457.266.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	306.169.825	191.370.232
Các chi phí khác	60.962.222	181.004.279
<b>Cộng</b>	<b>1.835.526.886</b>	<b>1.808.004.279</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường hàng không đạt chất lượng	191.817.090	-
Thu nhập khác	768.820	78.166.063
<b>Cộng</b>	<b>192.585.910</b>	<b>78.166.063</b>

#### 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí liên quan đến vụ hòa hoãn	-	96.808.368
Thuế bị phạt, bị truy thu, chậm nộp	305.165.764	-
Chi phí khác		228.893.848
<b>Cộng</b>	<b>305.165.764</b>	<b>233.362.673</b>

#### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.557.220.139	14.189.944.458
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(3.054.834.236)	(4.268.737.004)
- Các khoản điều chỉnh tăng	305.165.764	113.251.721
<i>Phạt chậm nộp, truy thu thuế</i>	<i>305.165.764</i>	<i>113.251.721</i>
<i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.360.000.000	4.381.988.725
<i>Lợi nhuận được chia từ công ty con</i>	<i>3.360.000.000</i>	<i>4.320.000.000</i>
<i>Lãi thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh</i>	<i>-</i>	<i>61.988.725</i>
Thu nhập chịu thuế	14.502.385.903	9.921.207.454
Thu nhập tính thuế	14.502.385.903	9.921.207.454
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.900.477.181</b>	<b>1.984.241.490</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>2.900.477.181</b>	<b>1.984.241.490</b>

#### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY HOÀNG HÀ HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 194 đường Kiều Hạ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 27 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu



Trần Thị Thu Lan

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Hương

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Phương